

Số: 171/KH-UBND

Lào Cai, ngày 16 tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức;
công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương
đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 -2020; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), cải cách chế độ công vụ, công chức; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Kế hoạch số 323/KH- UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

1.1. Nhằm đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức năm 2018, chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề xuất biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức những năm tiếp theo.

1.2. Nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức về cải cách chế độ công vụ, công chức, hướng tới xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, hiệu quả;

1.3. Đánh giá mức độ và hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Bộ phận một cửa) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các cơ quan, đơn vị; đánh giá việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính; triển khai thực hiện việc cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo lộ trình Đề án 1648. Đánh giá việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính của cơ quan đơn vị.

1.4. Nâng cao hiệu quả Hệ thống giám sát - đánh giá và đo lường sự hài lòng của người dân tại Bộ phận một cửa các cấp, tham mưu cho lãnh đạo có quy định xử lý đối với công chức, viên chức có đánh giá tỷ lệ hài lòng thấp

1.5. Nâng cao chế độ làm việc, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động công vụ để duy trì trật tự kỷ cương và phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ;

1.6. Tăng cường công tác đánh giá công chức gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức và kết quả thực hiện nhiệm vụ công vụ công chức;

1.7. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;

1.8. Duy trì và thực hiện có hiệu quả chế độ báo cáo thống kê cơ sở dữ liệu đối với đội ngũ công chức.

2. Yêu cầu:

2.1. Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của các cơ quan, đơn vị và xác định chính xác những nguyên nhân còn tồn tại và những kiến nghị của các cơ quan, đơn vị; đề xuất những giải pháp phù hợp trình UBND tỉnh xem xét và chỉ đạo thực hiện;

2.2. Các cơ quan, đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả nội dung, thời gian đề ra trong kế hoạch;

2.3. Kết quả kiểm tra, đánh giá được xác định bằng biên bản làm việc, kèm theo các tài liệu kiểm chứng kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG, ĐƠN VỊ, THỜI GIAN VÀ CÁCH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra:

1.1. Việc ban hành và thực hiện các văn bản chỉ đạo, triển khai tại các cơ quan, đơn vị về công tác cải cách hành chính năm 2018 và giai đoạn 2016 - 2020;

1.2. Các nội dung liên quan đến cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; kết quả thực hiện tại Bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị; hoạt động của hệ thống giám sát - đánh giá và đo lường sự hài lòng của người dân tại Bộ phận một cửa các cơ quan, đơn vị.

1.3. Việc thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức. Việc chấp hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quyết liệt cải cách hành chính và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

1.4. Thực hiện các quy định về công tác tổ chức bộ máy; quản lý và sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan hành chính; quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, công tác quản lý nhà nước về Hội.

1.5. Công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức; việc thực hiện quy định quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức và cán bộ công chức xã.

1.6. Thực hiện việc đánh giá công chức theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định việc đánh giá công chức tỉnh Lào Cai; Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc đánh giá công chức tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Quyết định số 67/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc đánh giá công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai.

1.7. Kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được giao tại Kế hoạch số 323/KH- UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh.

2. Đơn vị, thành phần và thời gian kiểm tra:

2.1. Đơn vị được kiểm tra:

a) Đối với cấp tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Giao thông Vận tải; Sở Tài Nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thanh tra tỉnh; Ban dân tộc và Văn phòng UBND tỉnh.

b) Đối với cấp huyện: Huyện Bát Xát; huyện Văn Bàn và huyện Sa Pa.

c) Đối với cấp xã: Xã Bản Vược, xã Mường Hum, xã Dền Sáng, xã Y Tý (thuộc huyện Bát Xát); Thị trấn Khánh Yên, xã Khánh Yên Trung, xã Văn Sơn, xã Võ Lao (thuộc huyện Văn Bàn); thị trấn Sa Pa, xã Tả Van, xã Sa Pa, xã Tả Phìn (thuộc huyện Sa Pa).

2.2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

a) Sở Nội vụ: Lãnh đạo Sở (Trưởng đoàn); đại diện các phòng: Phòng Cải cách hành chính; Phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi chính phủ; Phòng Công chức, viên chức.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Đại diện Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

2.3. Thời gian kiểm tra:

a) Từ ngày 02/7 - 13/7/2018: Kiểm tra tại các huyện và các xã, thị trấn.

b) Từ ngày 16/7 - 20/7/2018: Kiểm tra tại các sở, ngành của tỉnh.

(Thời gian kiểm tra cụ thể Sở Nội vụ có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị sau).

3. Cách thức kiểm tra:

3.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác tự kiểm tra, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với cơ quan, đơn vị (theo Đề cương báo cáo ban hành kèm theo Kế hoạch này) gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 28/6/2018.

3.2. Đoàn kiểm tra trực tiếp kiểm tra và trao đổi, thống nhất với các cơ quan, đơn vị về kết quả kiểm tra bằng biên bản; trong quá trình thực hiện Đoàn kiểm tra sẽ kiểm tra trực tiếp hồ sơ, sổ sách về các nội dung nêu tại Khoản 1 Mục này; hồ sơ, sổ sách tại bộ phận một cửa, phần mềm dùng chung tại bộ phận một cửa; máy móc, trang thiết bị...

3.3. Trong trường hợp cần thiết Sở Nội vụ thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất về công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.4. Kết thúc đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra sẽ ban hành thông báo chính thức về kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra từ nguồn chi khác của cơ quan, đơn vị theo quy định.

IV. TÓ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ:

1.1. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra theo điểm 2.2 Khoản 2 Mục II Kế hoạch này.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuẩn bị báo cáo, tài liệu, phương tiện, địa điểm để Đoàn kiểm tra làm việc đạt kết quả tốt.

1.3. Đề xuất biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có).

1.4. Xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả kiểm tra.

1.5. Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ khác yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

2.1. Phối hợp chặt chẽ với Đoàn kiểm tra trong quá trình thực hiện kiểm tra, chuẩn bị các tài liệu, xây dựng báo cáo theo điểm 3.1 Khoản 3 Mục II Kế hoạch này.

2.2. Báo cáo trung thực, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2.3. Tiếp thu và thực hiện các kiến nghị, yêu cầu, kết luận của Đoàn kiểm tra hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền.

2.4. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kết luận của Đoàn kiểm tra hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý các vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra (nếu có).

3. Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố:

Thực hiện tự kiểm tra và xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương theo điểm 3.1 Khoản 3 Mục II Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018, yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND xã: Bản Vược, Mường Hum, Dền Sáng, Y Tý thuộc huyện Bát Xát;
- UBND thị trấn Khánh Yên; UBND các xã: Khánh Yên Trung, Văn Sơn, Võ Lao thuộc huyện Văn Bàn;
- UBND thị trấn Sa Pa; UBND các xã: Tả Van, Sa Pa, Tả Phìn thuộc huyện Sa Pa;
- CVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT_{1,2}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức, công nhân viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với cơ quan, đơn vị năm 2018

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)



I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành (trong đó nêu khái quát đặc điểm, tình hình tổ chức, triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị).

1.1. Thuận lợi.

1.2. Khó khăn.

2. Xây dựng và ban hành các văn bản triển khai thực hiện; các cơ quan, đơn vị đánh giá cụ thể về thời điểm ban hành (so với thời gian quy định); các văn bản triển khai công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, gồm:

- Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018;
- Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018;
- Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính; kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2018;
- Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018;
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2018;
- Một số nhiệm vụ khác nếu có (đăng ký nội dung đột phá về công tác cải cách hành chính, phát động thi đua chuyên đề về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị...)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác cải cách hành chính:

1.1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến đội ngũ cán bộ, công chức, người dân để nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm về công tác cải cách hành chính:

- Về nội dung tuyên truyền;
- Về hình thức tuyên truyền;
- Số buổi tuyên truyền; số lượt người nghe...

1.2. Kết quả thực hiện một số nội dung chủ yếu trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

a) Cải cách thể chế:

- Số lượng văn bản quy phạm đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

- Đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật tham mưu cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (số lượng văn bản vi phạm về thẩm quyền, trình tự, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày do cơ quan có thẩm quyền tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL đề nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế...).

b) Cải cách thủ tục hành chính:

- Thực hiện rà soát, xây dựng dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính (đối với các sở, ngành thuộc UBND tỉnh);

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị; thực hiện việc chi trả phụ cấp cho cán bộ một cửa (có tài liệu kiểm chứng).

- Số TTHC, lĩnh vực thực hiện liên thông tại Bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị;

+ Thành lập, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị; việc ban hành và thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Công khai thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí, lệ phí;

- Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Từ ngày 01/01/2018 đến thời điểm báo cáo. Nêu rõ lý do hồ sơ trễ hẹn, tồn đọng, không giải quyết (nếu có).

- Đề xuất UBND tỉnh phương án đơn giản hóa hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong năm 2018 để tạo thuận tiện hơn nữa cho người dân, tổ chức.

- Hiệu quả hoạt động của Hệ thống giám sát - Đánh giá và đo lường sự hài lòng của người dân tại Bộ phận một cửa tại đơn vị.

c) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị:

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị đến thời điểm báo cáo.

- Đánh giá chất lượng cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ làm tại bộ phận một cửa các xã, thị trấn: Trong đó, số lượng cán bộ một cửa được phân công nhiệm vụ không phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ...

- Kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện quy trình cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

d) Về cải cách tổ chức bộ máy:

- Thực hiện các quy định của trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy; phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố. Việc đánh giá, xếp loại cơ quan, tổ chức định kỳ hàng năm; việc phân xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

- Việc xây dựng quy chế làm việc và kết quả thực hiện quy chế làm việc trong cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ công chức, viên chức nhà nước thuộc tỉnh Lào Cai (trước ngày 10/5/2017); Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc tỉnh Lào Cai (kể từ ngày 10/5/2017).

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc trong cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm theo quy định. Việc quản lý và sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế (ban hành kế hoạch, kết quả thực hiện, số lượng biên chế giảm xuống).

- Tình hình quản lý Nhà nước về tổ chức hội trên địa bàn huyện; việc thực hiện chính sách chế độ thù lao đối với các hội đặc thù; các đề xuất, kiến nghị nếu (có).

- Thời hiệu kiểm tra: Thực hiện kiểm tra các nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý Hội trong năm 2017.

e) Cải cách tài chính công:

- Kết quả thực hiện tự chủ tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc: Mức độ tự chủ, việc nâng cao chất lượng, mở rộng hoạt động để tăng nguồn sự nghiệp; việc tăng thu nhập từ nguồn thu sự nghiệp...

- Kết quả thực hiện tự chủ tại cơ quan, đơn vị: Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị; việc tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan, đơn vị...

g) Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước:

- Mức độ ứng dụng các phần mềm như: phần mềm Hồ sơ công việc; phần mềm đánh giá cán bộ, công chức; phần mềm một cửa dùng chung...

- Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 – 2008 tại các cơ quan, đơn vị.

2. Về cải cách chế độ công vụ, công chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính:

2.1. Tình hình ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai của cơ quan, đơn vị.

2.2. Kết quả thực hiện:

a) Việc thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức tại cơ quan, đơn vị.

b) Chế độ làm việc, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động công vụ để duy trì trật tự kỷ cương và phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ.

c) Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

d) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

đ) Công tác đánh giá công chức gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức và kết quả thực hiện nhiệm vụ công vụ công chức.

e) Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

g) Duy trì và thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở dữ liệu đối với đội ngũ công chức.

3. Công tác quản lý, sử dụng công chức và công tác Hội:

3.1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai tại cơ quan, đơn vị.

3.2. Kết quả thực hiện:

a) Việc quản lý và sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

b) Việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về Hội và tổ chức phi chính phủ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm.

2. Hạn chế.

3. Nguyên nhân của hạn chế:

3.1. Nguyên nhân khách quan.

3.2. Nguyên nhân chủ quan.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có).